

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương;**
2. Ông **Phạm Phước Tâm;**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị B**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2018; biên bản hòa giải ngày 20/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị B trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị B và anh U tổ chức đám cưới vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc. Nguyên nhân do anh U thường xuyên nhậu nhẹt rồi về nhà đánh đập

chị B. Chị B khuyên can nhiều lần nhưng anh U vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh U.

- **Về con chung:** Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 06/11/1994 và Nguyễn Văn Vũ L, sinh ngày 31/01/2006, hiện đang sống chung với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Văn Vũ L, không yêu cầu anh U cấp dưỡng. Đối với con chung Nguyễn Thị Cẩm T1 trưởng thành tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn U đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp:

- Giấy khai sinh Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 06/11/1994 (Bản sao);

- Giấy khai sinh Nguyễn Văn Vũ L, sinh ngày 31/01/2006 (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Võ Thị B có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn U. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

Anh Nguyễn Văn U là người bị kiện có địa chỉ tại ấp Bình H, xã Bình T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Anh Nguyễn Văn U mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn U.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh U chung sống với nhau từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Theo chị B trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh U thường xuyên nhậu nhẹt, say sưa về nhà đánh đập chị B. Chị B khuyên can nhiều lần nhưng anh B không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc gia đình, không ai quan tâm nhau. Việc chị B và anh U sống chung với

n nhau là tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Vì vậy, không công nhận chị Võ Thị B và anh Nguyễn Văn U là vợ chồng.

Về con chung: Chị B cho rằng vợ chồng sống chung có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 06/11/1994 và Nguyễn Văn Vũ L, sinh ngày 31/01/2006, hiện đang sống chung với chị B. Căn cứ vào bản tự khai ngày 09/7/2018, cháu L có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị B. Đồng thời, hiện nay con chung đang sống với chị B phát triển và được chăm sóc tốt. Thu nhập của chị B đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu L. Do đó, cần để cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị B.

Anh Nguyễn Văn U có quyền và nghĩa thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T1 đã trưởng thành tự lao động được nên chị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo Biên lai số 0000319 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị B và anh Nguyễn Văn U là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Võ Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Vũ L, sinh ngày 31/01/2006. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị B không có yêu cầu.

Con chung tên NguyễnThị Cẩm T1, sinh ngày 06/11/1994 đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét.

Anh Nguyễn Văn U có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Võ Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000319 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Đô